TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2025/HS-ST
Ngày: 02-12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Nam Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuyến;

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Nhật Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 256/2025/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 265/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2025/HSST-QĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN TRUNG T; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 02/01/1992; Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: A P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở: Phòng thuê nhà số F X, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Trung N và bà Phạm Thị Ngọc H; Có 02 (hai) người con, trẻ lớn nhất sinh năm 2011, trẻ nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/12/2024.

(Bị cáo T có mặt)

2. DANH THỊ NGỌC T7; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 18/12/1986; Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 3 X, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở: Phòng thuê nhà số F X, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Danh T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Bích H1; Có 01 (một) con sinh năm 2007.

Tiền án: Ngày 27/6/2023, Bị Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 77/2023/HS-ST. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 14/11/2023.

Tiền sự: Không có.

Nhân thân: Không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/12/2024.

(Bị cáo T7 có mặt)

3. VÕ KIM N3; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 28/8/1997; Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: Không có hộ khẩu thường trú; Nơi ở: 8K T, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Bán quần áo; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn T2 (cha nuôi) và bà Thạch Thị M (mẹ nuôi); Có 03 (ba) con, trẻ lớn nhất sinh năm 2013, trẻ nhỏ nhất sinh năm 2025.

Tiền án: Không có.

Tiền sự: Ngày 16/01/2023, Bị Tòa án nhân dân Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong 16 (mười sáu) tháng theo Quyết định số 32/2023/QĐ-TA. Chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc vào ngày 26/3/2024.Nhân thân: Không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2024.

(Bị cáo N3 có mặt)

4. PHẠM NHẬT M1; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 15/6/1994; Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 8K T, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Hộ lý bệnh viện; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Khắc S và bà Trần Thị N1.

Tiền án: Không có.

Tiền sự: Ngày 16/9/2024, Bị Ủy ban nhân dân Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy trong thời hạn 01 (một) năm theo Quyết định số 136/QĐ-UBND.

Nhân thân: Không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2024.

(Bị cáo M1 có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Thái S1, sinh năm 1994. (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: 2 đường số A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Thái Thị Thu T3, sinh năm 1998. (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: B tổ E, ấp B, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Nguyễn Trung N, sinh năm 1969. (có mặt)

Địa chỉ: A P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Đào Thị T4, sinh năm 1973. (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: 8 H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1973. (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 20 giờ 15 phút ngày 19/12/2024, Tổ công tác gồm các anh Nguyễn Tuấn H2, Huỳnh Tấn P, Phạm Trường H3 (là Công an phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, nay là Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) và chị Nguyễn Thị Ngọc T6 (là lực lượng An ninh cơ sở phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) đang tuần tra trên địa bàn thì phát hiện bị cáo Nguyễn Trung T và bị cáo Danh Thị Ngọc T7 đang ngồi trên xe mô tô hiệu H1, biển số 50N1-xxx.xx

dừng tại trước số E đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy nên yêu cầu kiểm tra. Lúc này, bị cáo T7 ngồi phía sau xe mô tô dùng tay phải thả xuống đường sát cạnh xe mô tô 01 (một) cuộn mút tròn màu nâu bên trong có 01 (một) gói nylon đựng 01 (một) gói nylon chứa 0,4126g (không phẩy bốn một hai sáu gam) tinh thể không màu (các bị cáo T và T7 khai là ma túy Đá) nên Tổ công tác tiến hành thu giữ vật chứng, đưa các bị cáo T và T7 cùng vật chứng về trụ sở Công an phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) lập biên bản bắt người phạm tội quả tang sau đó chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Công an Thành phố H) tiếp tục giải quyết.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của các bị cáo Nguyễn Trung T, Danh Thị Ngọc T7 tại lầu 1 nhà số F X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) thu giữ: 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm chai nhựa có nắp đậy, trên nắp đậy có gắn 01 (một) ống thủy tinh và 01 (một) ống hút nhựa, 02 (hai) bật lửa; 01 (một) hộp gỗ dán giấy màu vàng, bên trong hộp gỗ có: 01 (một) túi nylon đựng 20 (hai mươi) gói nylon nhỏ chưa qua sử dụng, 02 (hai) cái kéo kim loại, 02 (hai) đoạn ống nhựa, 01 (một) cân điện tử, 01 (một) gói nylon chứa 0,8924g (không phẩy tám chín hai bốn gam) tinh thể không màu (các bị cáo T và T7 khai là ma túy đá). Các bị cáo T và T7 khai số ma túy trên mua từ đối tượng tên N3 (không rõ lai lịch, sử dụng tài khoản mạng xã hội Z "Bé B").

Từ lời khai của các bị cáo Nguyễn Trung T và Danh Thị Ngọc T7, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Công an Thành phố H) tiếp tục truy xét các đối tượng có liên quan. Vào khoảng 21 giờ 25 phút ngày 20/12/2024, Tổ công tác gồm các anh Nguyễn Sơn L (là Công an phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, nay là Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), anh Nguyễn Đình T8 (là Công an Q3, Thành phố Hồ Chí Minh, nay là Công an Thành phố H) và anh Nguyễn Đặng Bình N2 (là Công an P1, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, nay là Công an phường N, Thành phố Hồ Chí Minh) phát hiện bị cáo Võ Kim N3 đang đứng trước nhà số H đường T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường N, Thành phố Hồ Chí Minh) có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy nên yêu cầu kiểm tra.

Quá trình kiểm tra, trước sự chứng kiến của anh Lê Thanh H4 (là lực lượng An ninh cơ sở Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, nay là phường N, Thành phố Hồ Chí Minh), bị cáo N3 tự lấy trong túi áo khoác bên phải đang mặc 01 (một) gói giấy có in chữ "CHÚ Ý" quấn 01 (một) bao giấy, bên trong có 01 (một) gói nylon chứa 2,4840g (hai

phẩy bốn tám bốn không gam) tinh thể không màu (bị cáo N3 khai là ma túy đá) nên Tổ công tác tiến hành thu giữ, ngoài ra bị cáo N3 còn khai nhận trong cốp xe mô tô hiệu H2, biển số 59N3-xxx.xx đang để tại nhà số H đường T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường N, Thành phố Hồ Chí Minh) còn cất giấu ma túy đá nên Tổ công tác tiến hành kiểm tra cốp xe mô tô thì phát hiện bên trong có 01 túi đeo màu hồng, bên trong có 01 (một) bóp sọc ca rô đựng 01 (một) cân điện tử và 01 (một) gói nylon chứa 18,5964g (mười tám phẩy năm chín sáu bốn gam) tinh thể không màu nên Tổ công tác tiếp tục thu giữ, bàn giao bị cáo N3 và toàn bộ vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Công an Thành phố H) lập hồ sơ xử lý. Ngoài ra, bị cáo N3 khai có bị cáo Phạm Nhật M1 (sống chung như vợ chồng với bị cáo N3) có tham gia phụ giúp bán ma túy cho bị cáo N3 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Công an Thành phố H) đã mời bị cáo M1 về trụ sở làm rõ.

Theo Kết luận giám định số 356/KL-KTHS ngày 27/12/2024 của Phòng K1 Công an Thành phố H kết luận: 01 (một) gói được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, các chữ ký ghi tên Nguyễn Trung T, Danh Thị Ngọc T7 và hình dấu Công an phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, bên trong có 01 (một) cuộn mút tròn màu nâu chứa 01 (một) gói nylon chứa 01 (một) gói nylon chứa tinh thể (ký hiệu mẫu m) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,4126g (không phẩy bốn một hai sáu gam) loại Methamphetamine.

Theo Kết luận giám định số 480/KL-KTHS ngày 30/12/2024 của Phòng K1 Công an Thành phố H kết luận: 01 (một) gói được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Huỳnh Nhựt T9 (Điều tra viên) và hình dấu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2, Thành phố Hồ Chí Minh, bên trong có 01 (một) gói nylon chứa tinh thể (ký hiệu mẫu m) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,8924g (không phẩy tám chín hai bốn gam), loại Methamphetamine.

Theo Kết luận giám định số 481/KL-KTHS ngày 30/12/2024 của Phòng K1 Công an Thành phố H kết luận: 02 (hai) gói được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Lê Chí T10 (Điều tra viên) và hình dấu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2, Thành phố Hồ Chí Minh, bên trong có:

- Gói 01: 01 (một) gói giấy có chữ "C" đựng 01 (một) gói giấy đựng 01 (một) gói nylon chứa tinh thể (ký hiệu mẫu m_1)là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,4840g (hai phẩy bốn tám bốn không gam), loại Methamphetamine;

- Gói 2: 01 (một) gói nylon chứa tinh thể (ký hiệu mẫu m_2) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 18,5964g (mười tám phẩy năm chín sáu bốn gam), loại Methamphetamine.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q2, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H), các bị cáo Nguyễn Trung T, Danh Thị Ngọc T7 khai nhận: Các bị cáo T và T7 cùng thuê phòng tại lầu 1 nhà số F X, Phường B, quận B (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) sống chung như vợ chồng từ ngày 10/11/2024 và cùng nhau hùn tiền mua ma túy loại Methamphetamine về cất giấu tại phòng thuê để bán hưởng lợi. Bị cáo T là người trực tiếp liên hệ với bị cáo Võ Kim N3 để mua ma túy và tìm người mua ma túy, bị cáo T7 phụ giúp bị cáo T chia nhỏ ma túy để bán cho khách, tiền lời thu được từ việc bán ma túy được các bị cáo T, T7 sử dụng để tiêu xài cá nhân và tiếp tục mua ma túy về bán hưởng lợi. Các bị cáo T và T7 đã mua ma túy của bị cáo N3 được 06 (sáu) lần, cụ thể:

- Lần thứ nhất và lần thứ hai vào khoảng đầu tháng 11/2024 (không rõ thời gian cụ thể), các bị cáo T và T7 đã mua của bị cáo N3 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm ngàn đồng) tiền ma túy (không rõ khối lượng cụ thể), cả hai đã bán hết số ma túy trên;

- Lần thứ ba (không rõ thời gian cụ thể), các bị cáo T và T7 mua của bị cáo N3 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm ngàn đồng) tiền ma túy (không rõ khối lượng cụ thể) thì được bị cáo Phạm Nhật M1 trực tiếp giao ma túy cho bị cáo T tại trước số H T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường N, Thành phố Hồ Chí Minh), bị cáo T đưa cho bị cáo M1 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng), nợ lại 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng) (hiện bị cáo T vẫn chưa trả cho bị cáo N3), cả hai đã bán hết số ma túy trên;

- Lần thứ tư vào ngày 10/11/2024, các bị cáo T và T7 mua 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm ngàn đồng) ma túy của bị cáo N3 và nhận ma túy từ xe ôm công nghệ G, sau đó đến ngày 09/12/2024, bị cáo T dùng tài khoản số 0921159xxx, mở tại Ngân hàng S3 của mình chuyển 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm ngàn đồng) đến tài khoản số 0899007xxx, mở tại Ngân hàng T11, chủ tài khoản Phạm Nhật M1, cả hai đã bán hết số ma túy trên;

- Lần thứ năm vào khoảng ngày 15/12/2024, bị cáo T mua của bị cáo N3 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm ngàn đồng) tiền ma túy (không rõ khối lượng cụ thể) và nhận ma túy từ tài xế xe ôm công nghệ X, đã chuyển khoản thanh toán tiền cho bị cáo N3, cả hai đã bán hết số ma túy trên;

- Lần thứ sáu vào ngày 13/12/2024, bị cáo T mua của bị cáo N3 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm ngàn đồng) tiền ma túy (trong đó bị cáo T hùn 600.000 đồng (sáu trăm

ngàn đồng) và bị cáo T7 hùn 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng) và đã thanh toán chuyển khoản tiền cho bị cáo N3. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, bị cáo T7 nhận gói ma túy trên từ tài xế xe công nghệ và đem về phòng trọ cất giữ. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, tài khoản mạng xã hội Z tên "Nguyen Dinh K" (không rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mua 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) ma túy loại Methamphetamine nên bị cáo T lấy gói ma túy vừa mua tách ra một phần bỏ vào gói nylon rồi đưa cho bị cáo T7 cất giấu vào trong cuộn mút xốp màu nâu. Bị cáo T lấy một phần ma túy vừa mua của bị cáo N3 bỏ vào dụng cụ sử dụng ma túy và cùng bị cáo T7 sử dụng tại phòng trọ. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, bị cáo T điều khiển xe mô tô hiệu H1, biển số 50N1-xxx.xx chở T7 ngồi sau cầm ma túy đi giao cho đối tượng "Nguyen Dinh K", khi đến trước số E đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) thì bị bắt quả tang như nêu trên.

Bị cáo Võ Kim N3 khai do không có việc làm ổn định và cần tiền tiêu xài cá nhân, nên bị cáo N3 bắt đầu bán ma túy từ khoảng đầu tháng 8/2024. Thông qua bạn bè xã hội, bị cáo N3 biết tại hẻm A đường T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường K, Thành phố Hồ Chí Minh) có người bán ma túy loại Methamphetamine nên đã tìm đến mua; Bị cáo N3 đã mua ma túy của người đàn ông này được khoảng 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) lần với số tiền từ 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đến 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), nếu bán hết thì hưởng lợi từ 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) đến 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng). Bị cáo Võ Kim N3 biết bị cáo Nguyễn Trung T thông qua bạn bè xã hội và đã bán ma túy cho bị cáo T được 06 (sáu) lần từ tháng 11/2024 đến nay như nêu trên. Trong đó, bị cáo N3 đã nhờ bị cáo Phạm Nhật M1 giao ma túy cho bị cáo T được 03 (ba) lần, cụ thể:

- Lần thứ nhất vào khoảng tháng 11/2024, bị cáo N3 nhờ bị cáo Phạm Nhật M1 đi giao 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm ngàn đồng) tiền mua ma túy cho bị cáo Nguyễn Trung T;

Lần thứ hai và lần thứ ba, bị cáo N3 đặt ứng dụng xe công nghệ từ điện thoại di động của bị cáo M1 và nhờ bị cáo M1 mang ma túy đưa cho tài xế xe công nghệ để giao cho bị cáo T, cả hai lần trên bị cáo T đều chuyển khoản trả tiền mua ma túy cho bị cáo N3 là 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm ngàn đồng). Vào ngày 19/12/2024, bị cáo Võ Kim N3 đặt xe công nghệ để giao đến trước số F X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) cho bị cáo T như trên.

Bị cáo Phạm Nhật M1 khai sống chung với bị cáo Võ Kim N3 như vợ chồng tại số H đường T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường N, Thành phố Hồ Chí Minh) từ tháng 6/2024. Bị cáo M1 biết bị cáo N3 mua bán ma túy loại Methamphetamine và đã phụ giúp bị cáo N3 giao ma túy cho bị cáo Nguyễn Trung T được 03 (ba) lần như nêu trên.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) gói niêm phong có các chữ ký ghi tên Giám định viên Thiếu tá Trần Đình H5 và Điều tra viên Mai Thị Lệ Q, ghi vụ 279/25-Q1;

- 01 (một) gói niêm phong có các chữ ký ghi tên Giám định viên Thiếu tá Trần Đình H5 và Điều tra viên Mai Thị Lệ Q, ghi vụ 280/25-Q1 (1);

- 01 (một) gói niêm phong có các chữ ký ghi tên Giám định viên Thiếu tá Phan Tấn Q1 và Điều tra viên Mai Thị Lệ Q, ghi vụ 356(197)/25;

- 01 (một) gói niêm phong có các chữ ký ghi tên Giám định viên Thiếu tá Trần Đình H5 và Điều tra viên Mai Thị Lệ Q, ghi vụ 280/25-Q1 (2);

Thu giữ của bị cáo Nguyễn Trung T:

- 01 (một) chai nhựa có nắp đậy, 01 (một) ống thủy tinh, 01 (một) ống hút nhựa, 02 (hai) bật lửa, là bộ dụng cụ sử dụng ma túy;

- 01 (một) hộp gỗ dán giấy màu vàng, 01 (một) túi nylon đựng 20 (hai mươi) gói nylon nhỏ chưa qua sử dụng, 02 (hai) cái kéo kim loại, 02 (hai) đoạn ống nhựa, 01 (một) cân điện, là dụng cụ sử dụng mua bán ma túy;

- 01 (một) xe mô tô hiệu H1, biển số 50N1-xxx.xx có số khung RLHJA3605EY120xxx; số máy: JA36E-0240xxx. Qua xác minh do bà Đào Thị T4 đứng tên đăng ký chủ xe. Ngày 09/9/2024, chị T4 đã ủy quyền cho ông Nguyễn Trung N (là cha ruột của bị cáo Nguyễn Trung T) toàn quyền sử dụng, chưa tiến hành làm thủ tục sang tên, đổi chủ. Ngày 19/12/2024, bị cáo Nguyễn Trung T có mượn xe mô tô trên của ông N đi công việc cá nhân, ông N không biết bị cáo T sử dụng xe mô tô trên để đi bán ma túy;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng, là điện thoại di động bị cáo T sử dụng để trao đổi mua bán ma túy.

Thu giữ của bị cáo Danh Thị Ngọc T7:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Galaxy A03 màu xanh, là điện thoại di động bị cáo T7 sử dụng để trao đổi mua bán ma túy.

Thu giữ của bị cáo Võ Kim N3:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, là điện thoại di động bị cáo N3 sử dụng để trao đổi mua bán ma túy;

- 01 (một) túi đeo màu hồng, 01 (một) bóp sọc ca rô;

- 01 (một) cân điện tử.

Thu giữ của bị cáo Phạm Nhật M1:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, có số IMEI: 353818087309xxx, là điện thoại di động bị cáo M1 sử dụng để trao đổi mua bán ma túy;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart, là tài sản cá nhân của bị cáo M1.

- 01 (một) xe mô tô hiệu H2, biển số 59N3-xxx.xx. Qua xác minh do bà Thái Thị Thu T3 đứng tên đăng ký chủ xe và đã ủy quyền cho ông Huỳnh Thái S1 (Chủ cửa hàng xe máy No.379, số B đường số A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) toàn quyền sử dụng. Bị cáo M1 khai mua trả góp xe mô tô trên tại cửa hàng của ông S1 với giá 54.510.000 đồng (năm mươi bốn triệu năm trăm mười ngàn đồng) nhưng chưa làm thủ tục sang tên do chưa trả góp xong; do ở chung nhà nên bị cáo Võ Kim N3 thường lấy xe mô tô trên để đi công việc cá nhân, bị cáo M1 không biết việc bị cáo N3 sử dụng xe mô tô trên để đi bán ma túy vào ngày 20/12/2024.

Tất cả vật chứng đã được nhập kho vật chứng thuộc Trại tạm giam C, Phân trại tạm giam khu vực Quận A, Công an Thành phố H theo Lệnh nhập kho vật chứng số B8013/LNK-CSMT ngày 14/7/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H.

Tại Cáo trạng số 69/CT-VKSKV1 ngày 11/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

- Bị cáo Nguyễn Trung T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Bị cáo Danh Thị Ngọc T7 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Bị cáo Võ Kim N3 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Bị cáo Phạm Nhật M1 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà,

Bị cáo Nguyễn Trung T có lời khai phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội nguy hiểm của bị cáo, mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Danh Thị Ngọc T7 có lời khai phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Lời sau cùng: Mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Võ Kim N3 có lời khai phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Lời sau cùng: Mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có thể về để lo cho con và xin được miễn khắc phục.

Bị cáo Phạm Nhật M1 có lời khai phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Lời sau cùng: Mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung N trình bày: Ông xin nhận lại chiếc xe mô tô hiệu H1, biển số 50N1-xxx.xx, có số khung RLHJA3605EY120xxx; số máy: JA36E-0240xxx.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

- Bị cáo Nguyễn Trung T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo T từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù và phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", và từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù và phạt bổ sung số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt 02 (hai) tội trên là từ 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng đến 12 (mười hai) năm tù và phạt bổ sung số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

- Bị cáo Danh Thị Ngọc T7 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo T7 từ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) năm tù và phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", và từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù và phạt bổ sung 50.000.000 đồng

(năm mươi triệu đồng) về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt hai tội trên là từ 11 (mười một) năm đến 12 (mười hai) năm tù và phạt bổ sung số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

- Bị cáo Võ Kim N3 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đề nghị xử phạt bị cáo N3 từ 11 (mười một) năm đến 12 (mười hai) năm tù và phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Bị cáo Phạm Nhật M1 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đề nghị xử phạt bị cáo M1 từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù và phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tố tụng cũng như người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 19/12/2024, tại lầu 1 nhà số F X, Phường B, quận B (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) (nhà của các bị cáo T và T7 thuê để sống chung) bị cáo Nguyễn Trung T và bị cáo Danh Thị Ngọc T7 tổ chức sử dụng ma túy từ số ma túy mà hai bị cáo hùn tiền mua; trong quá trình sử dụng bị cáo T lấy ma túy bỏ vào dụng cụ để hút sau đó đưa cho bị cáo T7 sử dụng.

Sau đó, khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày, bị cáo T sử dụng xe gắn máy hiệu H1, biển số 50N1-xxx.xx chở bị cáo T7 đi giao ma túy cho khách mua ma túy. Khi hai bị cáo

dừng tại trước số E đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) do lo sợ nên bị cáo T7 thả xuống một cuộn mút tròn màu nâu bên trong có 01 gói nylon đựng 01 (một) gói nylon chứa tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,4126g (không phẩy bốn một hai sáu gam) loại Methamphetamine (Theo Kết luận giám định số 356/KL-KTHS ngày 27/12/2024 của Phòng K1 Công an Thành phố H) và bị công an phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của các bị cáo Nguyễn Trung T, Danh Thị Ngọc T7 tại lầu 1 nhà số F X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) thu giữ: 01 (một) gói nylon chứa 0,8924g (không phẩy tám chín hai bốn gam) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,8924g (không phẩy tám chín hai bốn gam), loại Methamphetamine (Theo kết luận giám định số 480/KL-KTHS ngày 30/12/2024 của Phòng K1 Công an Thành phố H). Toàn bộ số ma túy thu giữ của bị cáo T và bị cáo T7, các bị cáo khai nhận là dùng vào mục đích bán.

Qua thông tin của các bị cáo T và T7, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục truy xét đến bị cáo Võ Kim N3 (người bán ma túy cho bị cáo T) và vào lúc 21 giờ 25 phút ngày 20/12/2025 thì phát hiện bị cáo Võ Kim N3 đang đứng trước nhà số H đường T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường N, Thành phố Hồ Chí Minh) có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy nên yêu cầu kiểm tra và bị cáo N3 tự lấy trong túi áo khoác bên phải đang mặc 01 (một) gói giấy có in chữ "CHÚ Ý" quấn 01 (một) bao giấy, bên trong có 01 (một) gói nylon chứa là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,4840g (hai phẩy bốn tám bốn không gam), loại Methamphetamine. Ngoài ra bị cáo N3 còn khai nhận trong cốp xe mô tô hiệu H2, biển số 59N3-xxx.xx đang để tại nhà số H đường T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường N, Thành phố Hồ Chí Minh) còn cất giấu ma túy đá nên kiểm tra và phát hiện bên trong có 01 (một) bóp sọc ca rô đựng 01 (một) cân điện tử và 01 (một) gói nylon chứa ma túy ở thể rắn, có khối lượng 18,5964g (mười tám phẩy năm chín sáu bốn gam), loại Methamphetamine (Theo Kết luận giám định số 481/KL-KTHS ngày 30/12/2024 của Phòng K1 Công an Thành phố H). Toàn bộ ma túy thu giữ từ bị cáo Võ Kim N3 đều dùng vào mục đích bán cho các đối tượng có nhu cầu.

Ngoài ra, bị cáo T, bị cáo T7, bị cáo N3 và bị cáo Phạm Nhật M1 có lời khai thống nhất: bị cáo T và bị cáo N3 đã mua ma túy của bị cáo Võ Kim N3 tổng cộng 06 lần nhằm mục đích bán lại để hưởng lợi:

- Lần thứ nhất và lần thứ hai vào khoảng đầu tháng 11/2024 (không rõ thời gian cụ thể), các bị cáo T và T7 đã mua của bị cáo N3 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm ngàn đồng) tiền ma túy (không rõ khối lượng cụ thể), cả hai đã bán hết số ma túy trên;

- Lần thứ ba (không rõ thời gian cụ thể), các bị cáo T và T7 mua của N3 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm ngàn đồng) tiền ma túy (không rõ khối lượng cụ thể) thì được bị cáo Phạm Nhật M1 trực tiếp giao ma túy cho bị cáo T tại trước số H T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường N, Thành phố Hồ Chí Minh), bị cáo T đưa cho bị cáo M1 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng), nợ lại 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng) (hiện bị cáo T vẫn chưa trả cho bị cáo N3), cả hai đã bán hết số ma túy trên;

- Lần thứ tư vào ngày 10/11/2024, các bị cáo T và T7 mua 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm ngàn đồng) ma túy của bị cáo N3 và nhận ma túy từ xe ôm công nghệ G, sau đó đến ngày 09/12/2024, bị cáo T dùng tài khoản số 0921159xxx, mở tại Ngân hàng S3 của mình chuyển 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm ngàn đồng) đến tài khoản số 0899007xxx, mở tại Ngân hàng T11, chủ tài khoản Phạm Nhật M1, cả hai đã bán hết số ma túy trên;

- Lần thứ năm vào khoảng ngày 15/12/2024, T mua của N3 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm ngàn đồng) tiền ma túy (không rõ khối lượng cụ thể) và nhận ma túy từ tài xế xe ôm công nghệ X, đã chuyển khoản thanh toán tiền cho bị cáo N3, cả hai đã bán hết số ma túy trên;

- Lần thứ sáu vào ngày 13/12/2024, bị cáo T mua của bị cáo N3 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm ngàn đồng) tiền ma túy (trong đó bị cáo T hùn 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) và bị cáo T7 hùn 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng) và đã thanh toán chuyển khoản tiền cho bị cáo N3.

Bị cáo Võ Kim N3 khai do không có việc làm ổn định và cần tiền tiêu xài cá nhân, nên bị cáo N3 bắt đầu bán ma túy từ khoảng đầu tháng 8/2024. Thông qua bạn bè xã hội, bị cáo N3 biết tại hẻm A đường T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường K, Thành phố Hồ Chí Minh) có người bán ma túy loại Methamphetamine nên đã tìm đến mua; Bị cáo N3 đã mua ma túy của người đàn ông này được khoảng 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) lần với số tiền từ 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đến 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), nếu bán hết thì hưởng lợi từ 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng)

đến 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng). Bị cáo Võ Kim N3 biết bị cáo Nguyễn Trung T thông qua bạn bè xã hội và đã bán ma túy cho bị cáo T được 06 (sáu) lần từ tháng 11/2024 đến nay như nêu trên. Trong đó, bị cáo N3 đã nhờ bị cáo Phạm Nhật M1 giao ma túy cho bị cáo T được 03 (ba) lần.

[3] Các bị cáo Nguyễn Trung T, Danh Thị Ngọc T7, Võ Kim N3, Phạm Nhật M1 có năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện nên có lỗi cố ý.

[4] Hành vi của các bị cáo Nguyễn Trung T, Danh Thị Ngọc T7, Võ Kim N3, Phạm Nhật M1 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền về ma túy của Nhà nước, gây mất an ninh trật tự cho xã hội. Do vậy, cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Trung T, Danh Thị Ngọc T7, Võ Kim N3, Phạm Nhật M1 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, qua lời khai nhận tội của các bị cáo, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Bị cáo Nguyễn Trung T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Bị cáo Danh Thị Ngọc T7 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Bị cáo Võ Kim N3 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Bị cáo Phạm Nhật M1 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Nguyễn Trung T, Danh Thị Ngọc T7, Võ Kim N3, Phạm Nhật M1 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ "người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Võ Kim N3 tại thời điểm bị bắt bị cáo mang thai và sinh con vào ngày 06/9/2025, do đó áp dụng tình tiết "người phạm tội là phụ nữ có thai" theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Trung T và Danh Thị Ngọc T7 khai nhận khoản thu lợi bất chính từ việc bán ma túy là nguồn thu nhập để hỗ trợ để trang trải cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Bên cạnh đó bị cáo Võ Kim N3 do cần thu nhập để nuôi con nên đã bán ma túy. Do đó các bị cáo T, T7 và N3 đã thực hiện hành vi phạm tội 06 lần và lấy khoản thu lợi bất chính làm thu nhập nên áp dụng tình tiết tăng nặng "Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Danh Thị Ngọc T7 chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên áp dụng tình tiết tăng nặng "tái phạm" quy định quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Phạm Nhật M1 không có tình tiết tăng nặng.

[8] Đối với nhóm các bị cáo Nguyễn Trung T và Danh Thị Ngọc T7 nhất thời cùng nhau hùn tiền mua ma túy để cùng nhau sử dụng ma túy do đó là đồng phạm giản đơn với vai trò như nhau đối với tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Đối với tội "Mua bán trái phép chất ma túy" bị cáo T với vai trò chủ mưu và trực tiếp mua ma túy và tìm khách hàng để bán ma túy trong khi đó bị cáo T7 chỉ đóng vai trò giúp sức trong việc phân chia ma túy, cùng đi giao ma túy cho người mua và chỉ hùn tiền mua ma túy để bán vào ngày 19/12/2025. Do đó căn cứ Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét quyết định hình phạt tương ứng với tính chất và mức độ phạm tội đối với từng bị cáo.

Đối với nhóm các bị cáo Võ Kim N3 và Phạm Nhật M1 trong đó vai trò của bị cáo N3 với vai trò chính là mua ma túy, liên lạc với người mua, thu tiền còn bị cáo M1 chỉ giúp sức cho bị cáo N3 trong việc đi giao hàng cho bị cáo T được 03 lần. Do đó cần căn cứ Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét quyết định hình phạt tương ứng với tính chất và mức độ phạm tội đối với từng bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

Vật chứng vụ án:

- Đối với 01 (một) gói niêm phong có các chữ ký ghi tên Giám định viên Thiếu tá Trần Đình H5 và Điều tra viên Mai Thị Lệ Q, ghi vụ 279/25-Q1 là vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 (một) gói niêm phong có các chữ ký ghi tên Giám định viên Thiếu tá Trần Đình H5 và Điều tra viên Mai Thị Lệ Q, ghi vụ 280/25-Q1 (1) là vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 (một) gói niêm phong có các chữ ký ghi tên Giám định viên Thiếu tá Phan Tấn Q1 và Điều tra viên Mai Thị Lệ Q, ghi vụ 356(197)/25 là vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 (một) gói niêm phong có các chữ ký ghi tên Giám định viên Thiếu tá Trần Đình H5 và Điều tra viên Mai Thị Lệ Q, ghi vụ 280/25-Q1 (2) là vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 (một) chai nhựa có nắp đậy, 01 (một) ống thủy tinh, 01 (một) ống hút nhựa, 02 (hai) bật lửa, là bộ dụng cụ sử dụng ma túy của bị cáo Nguyễn Trung T nên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 (một) hộp gỗ dán giấy màu vàng, 01 (một) túi nylon đựng 20 (hai mươi) gói nylon nhỏ chưa qua sử dụng, 02 (hai) cái kéo kim loại, 02 (hai) đoạn ống nhựa, 01 (một) cân điện, là dụng cụ sử dụng mua bán ma túy của bị cáo Nguyễn Trung T nên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu H1, biển số 50N1-211.63, có số khung RLHJA3605EY120xxx; số máy: JA36E-0240xxx. Qua xác minh do bà Đào Thị T4 đứng tên đăng ký chủ xe. Ngày 09/9/2024, chị T4 đã ủy quyền cho ông Nguyễn Trung N (là cha ruột của bị cáo Nguyễn Trung T) toàn quyền sử dụng, chưa tiến hành làm thủ tục sang tên, đổi chủ. Ngày 19/12/2024, bị cáo Nguyễn Trung T có mượn xe mô tô trên của ông N đi công việc cá nhân, ông N không biết bị cáo T sử dụng xe mô tô trên để đi bán ma túy nên trả lại xe cho ông N;

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng, là điện thoại di động bị cáo T sử dụng để trao đổi mua bán ma túy nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước;

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Galaxy A03 màu xanh, là điện thoại di động T7 sử dụng nhắn tin với bị cáo T liên quan đến việc mua bán ma túy nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước;

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, là điện thoại di động bị cáo N3 sử dụng để trao đổi mua bán ma túy nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước;

- Đối với 01 (một) túi đeo màu hồng, 01 (một) bóp sọc ca rô là các vật không có giá trị và bị cáo N3 không nhận lại nên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 (một) cân điện tử là dụng cụ dùng để cân ma túy của bị cáo Võ Kim N3 nên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7, có số IMEI: 353818087309xxx, là điện thoại di động bị cáo M1 sử dụng để trao đổi mua bán ma túy nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước;

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart, là tài sản cá nhân của bị cáo M1 nên trả lại cho bị cáo M1.

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu H2, biển số 59N3-xxx.xx. Qua xác minh do bà Thái Thị Thu T3 đứng tên đăng ký chủ xe và đã ủy quyền cho ông Huỳnh Thái S1 (Chủ cửa hàng xe máy No.379, số B đường số A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) toàn quyền sử dụng. Bị cáo M1 khai mua trả góp xe mô tô trên tại cửa hàng của ông S1 với giá 54.510.000 đồng (năm mươi bốn triệu năm trăm mười ngàn đồng) nhưng chưa làm thủ tục sang tên do chưa trả góp xong và chưa ký hợp đồng công chứng; do ở chung nhà nên bị cáo Võ Kim N3 thường lấy xe mô tô trên để đi công việc cá nhân, bị cáo M1 không biết việc bị cáo N3 sử dụng xe mô tô trên để cất giấu ma túy để bán. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thái S1 yêu cầu bị cáo M1 trả lại xe cho ông S1 do bị cáo M1 chỉ mới trả cho ông S1 số tiền 27.670.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo M1 đồng ý trả chiếc xe nêu trên cho ông S1 do chưa trả hết tiền và chưa có hợp đồng công chứng chiếc xe nêu trên. Căn cứ vào Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 00012xxx quyển số 07/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/7/2024 của Văn phòng công chứng Nguyễn Thị S2 giữa bà T3 và ông S1 đủ cơ sở xác định ông S1 là người quản lý hợp pháp tài sản do đó trả lại chiếc xe nêu trên cho ông S1. Đối với khoản tiền giữa bị cáo M1 và ông S1, hai bên sẽ tự giải quyết.

[11] Về biện pháp tư pháp:

- Bị cáo Nguyễn Trung T khai nhận trong quá trình bán ma túy thu lợi bất chính số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) do đó buộc bị cáo nộp lại số tiền này để tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà Nước.

- Bị cáo Võ Kim N3 khai nhận trong quá trình bán ma túy thu lợi bất chính số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) do đó buộc bị cáo nộp lại số tiền này để tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà Nước.

[12] Về hình phạt bổ sung:

- Việc bị cáo T và bị cáo T7 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" là nhất thời lấy một phần ma túy mua chung để bán để sử dụng và hai bị cáo không có thu nhập ổn định do đó không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Đối với bị cáo T đóng vai trò chính trong việc bỏ vốn ra mua ma túy do đó căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự để áp dụng hình phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đối với bị cáo để mang tính chất răn đe.

- Đối với bị cáo T7 do chỉ hùn tiền với bị cáo T để mua ma túy ngày 19/12/2024 để bán kiếm lời các lần trước không tham gia hùn tiền do đó áp dụng hình phạt bổ sung số tiền 5.000.000 đồng đối với bị cáo đã đủ đảm bảo tính chất răn đe đối với bị cáo.

- Đối với bị cáo Võ Kim N3 đã mua bán ma túy một khoảng thời gian do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung để răn đe đối với bị cáo. Do đó áp dụng hình phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đối với bị cáo.

- Đối với bị cáo Phạm Nhật M1 không thu lợi từ việc bán ma túy cũng như không bỏ tiền để mua ma túy bán do đó không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

[13] Về biện pháp cưỡng chế:

- Tiếp tục duy trì Lệnh phong tỏa tài sản số: B4655/LPT-CSMT ngày 19/5/2025 của Công an Thành phố H đối với số tài khoản 0921159xxx, tại Ngân hàng TNHH MTV S3 của bị cáo Nguyễn Trung T để đảm bảo thi hành án.

- Do bị cáo Phạm Nhật M1 không bị áp dụng hình phạt tiền do đó căn cứ Điều 130 Bộ luật Tố tụng hình sự hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài sản số: B4656/LPT-CSMT ngày 19/5/2025 của Công an Thành phố H đối với số tài khoản 0899007xxx tại Ngân hàng TMCP T12 của bị cáo Phạm Nhật M1.

[14] Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo N3 tại hẻm A đường T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường K, Thành phố Hồ Chí Minh) do chưa xác định được lai lịch nên tiếp tục truy xét, khi đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

[15] Về án phí:

- Bị cáo Nguyễn Trung T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

- Bị cáo Danh Thị Ngọc T7 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

- Bị cáo Võ Kim N3 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

- Bị cáo Phạm Nhật M1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 50, điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 2 Điều 35; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và 03 (ba) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Trung T phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 (hai) tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" là 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/12/2024.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Trung T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà Nước

Căn cứ Điều 50, điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 2 Điều 35; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Danh Thị Ngọc T7 08 (tám) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và 03 (ba) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Danh Thị Ngọc T7 phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 (hai) tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và "Tổ chức sử dụng trái phép chất

ma túy" là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/12/2024.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Danh Thị Ngọc T7 số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà Nước

Căn cứ Điều 50; điểm b-i khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s-n khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 2 Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Võ Kim N3 12 (mười hai) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2024.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Võ Kim N3 số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà Nước

Căn cứ Điều 50; điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2025.

Xử phạt bị cáo Phạm Nhật M1 (08) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2024.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy:

- Đối với 01 (một) gói niêm phong có các chữ ký ghi tên Giám định viên Thiếu tá Trần Đình H5 và Điều tra viên Mai Thị Lệ Q, ghi vụ 279/25-Q1;

- Đối với 01 (một) gói niêm phong có các chữ ký ghi tên Giám định viên Thiếu tá Trần Đình H5 và Điều tra viên Mai Thị Lệ Q, ghi vụ 280/25-Q1 (1);

- Đối với 01 (một) gói niêm phong có các chữ ký ghi tên Giám định viên Thiếu tá Phan Tấn Q1 và Điều tra viên Mai Thị Lệ Q, ghi vụ 356(197)/25;

- Đối với 01 (một) gói niêm phong có các chữ ký ghi tên Giám định viên Thiếu tá Trần Đình H5 và Điều tra viên Mai Thị Lệ Q, ghi vụ 280/25-Q1 (2);

- Đối với 01 (một) chai nhựa có nắp đậy, 01 (một) ống thủy tinh, 01 (một) ống hút nhựa, 02 (hai) bật lửa, là bộ dụng cụ sử dụng ma túy của bị cáo Nguyễn Trung T;

- Đối với 01 (một) hộp gỗ dán giấy màu vàng, 01 (một) túi nylon đựng 20 (hai mươi) gói nylon nhỏ chưa qua sử dụng, 02 (hai) cái kéo kim loại, 02 (hai) đoạn ống nhựa, 01 (một) cân điện, là dụng cụ sử dụng mua bán ma túy của bị cáo Nguyễn Trung T;

- Đối với 01 (một) túi đeo màu hồng, 01 (một) bóp sọc ca rô; 01 (một) cân điện tử;

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Galaxy A03 màu xanh.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, có số IMEI: 353818087309xxx.

Trả lại đối với 01 (một) xe mô tô hiệu H, biển số 50N1-xxx.xx, có số khung RLHJA3605EY120xxx; số máy: JA36E-0240xxx cho ông Nguyễn Trung N.

Trả lại đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart cho bị cáo Phạm Nhật M1.

Trả lại đối với 01 (một) xe mô tô hiệu H2, biển số 59N3-xxx.xx cho ông Huỳnh Thái S1

(Toàn bộ vật chứng ghi nhận tại Quyết định chuyển vật chứng số: 50/QĐ-VKSKV1 ngày 12/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Buộc bị cáo Nguyễn Trung T nộp lại số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để tịch thu Nộp ngân sách Nhà Nước.

- Buộc bị cáo Võ Kim N3 nộp lại số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để tịch thu Nộp ngân sách Nhà Nước.

Căn cứ Điều 129 và Điều 130 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tiếp tục duy trì Lệnh phong tỏa tài sản số: B4655/LPT-CSMT ngày 19/5/2025 của Công an Thành phố H đối với số tài khoản 0921159xxx, tại Ngân hàng TNHH MTV S3 của bị cáo Nguyễn Trung T để đảm bảo thi hành án.

- Hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài sản số: B4656/LPT-CSMT ngày 19/5/2025 của Công an Thành phố H đối với số tài khoản 0899007xxx tại Ngân hàng TMCP T12 của bị cáo Phạm Nhật M1.

Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Q1 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo Nguyễn Trung T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Bị cáo Danh Thị Ngọc T7 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Bị cáo Võ Kim N3 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Bị cáo Phạm Nhật M1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Áp dụng Điều 331, Điều 333, Điều 336 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- VKSND Khu vực 1, TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND TP. HCM;
- THADS TP.HCM (Phòng THADS KV1);
- PC53 - CATP.HCM;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hoài Nam Phương

TAND KHU VỰC 1

JLL021225.TLQDBA
7651